

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 390/2021/HC-PT

Ngày: 10 - 11 - 2021

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai về giải  
quyết tranh chấp.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Nhựt Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 161/2021/TLPT-HC ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về giải quyết tranh chấp”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1139/2020/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2285/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Bùi Thị X, sinh năm 1927.

Địa chỉ cư trú: Đường số 3, Tổ 2, Khu phố 6, phường Tr, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: đường Ch, Phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người bị kiện:** Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Đường số 3, khu phố 6, phường Tr, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1955. (có mặt)

Địa chỉ: Đường số 3, khu phố 6, phường Tr, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Chủ tịch UBND quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Trần Văn D, Phó Chủ tịch. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo: Bà Bùi Thị X.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện bà Bùi Thị X trình bày:*

Gia đình bà X đã sử dụng phần diện tích đất tranh chấp từ trước năm 1975; có hộ khẩu tại địa chỉ số 47, đường số 3, tổ 2, khu phố 6, phường Tr, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh; bà X có kê khai đăng ký nhà đất, nộp thuế đầy đủ, không có tranh chấp. Năm 2006, bà X nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị ông Nguyễn Văn Tr ngăn chặn và tranh chấp.

Ngày 12/8/2010, Chủ tịch UBND quận Th ban hành Quyết định số 4106/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất gia tộc họ Nguyễn giữa ông Nguyễn Văn Tr và bà Bùi Thị X. Bà X không đồng ý đã khiếu nại. Ngày 26/9/2011, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4553/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Văn Tr và bà Bùi Thị X nhưng bà X không đồng ý.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4553/QĐ-UBND, công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp và đề nghị UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

*Tại văn bản ngày 12/11/2012, người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:*

Theo Trích sao địa bộ số 027/TS-TTĐK-KT ngày 07/01/2009 của Trung tâm thông tin và đăng ký nhà đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, nguồn gốc đất tranh chấp do ông Nguyễn Văn C (ông của ông Nguyễn Văn Tr) đứng bộ trước giải phóng với diện tích 3.200m<sup>2</sup> thuộc một phần đất thửa 94 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã P, huyện Th. Sau năm 1975, ông Nguyễn Văn T (cháu gọi ông C bằng bác ruột) tiếp tục quản lý khu đất trên để làm nghĩa địa chôn cất những người thân trong gia tộc.

Cùng năm 1975, gia đình ông Nguyễn Văn Th (là người trong gia tộc họ

Nguyễn) và vợ là bà Bùi Thị X di dời nhà từ chùa L về cất nhà ở trên phần đất thổ mộ của gia tộc (vị trí sát ranh đất với phần đất thổ mộ đang tranh chấp). Đến năm 1976, ông Th chết. Sau đó, bà X cùng các con tiếp tục sử dụng nhà đất nêu trên.

Năm 1990, ông T chết, ông Tr (là con ông T) tiếp tục quản lý và trông coi phần đất thổ mộ của gia tộc cho đến nay.

Ngày 18/10/1996, bà X và con là ông Nguyễn Văn H sửa chữa lại nhà trên phần đất của gia tộc. Gia tộc đã họp và thống nhất cho gia đình ông H được sử dụng 200m<sup>2</sup> trên phần đất của thổ mộ gia tộc, gia đình ông H (con bà X) cam kết: Không xây dựng lấn chiếm ra ngoài phạm vi đã được gia tộc cho, gìn giữ vệ sinh mồ mả ông bà, không sang nhượng, cho mượn...

Phần đất tranh chấp có diện tích 204,3m<sup>2</sup> có vị trí số 3 theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 16685/ĐDBĐ-CNTĐ ngày 13/10/2008 do Trung tâm đo đạc bản đồ lập. Theo Tài liệu 299/TTg, đất tranh chấp thuộc một phần thửa 924, tờ 1, xã P, huyện Th là thổ tập trung; Theo tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa 281 (đất thổ), thửa 282 (đất thổ), thửa 283 (đất nghĩa địa), tờ số 3 xã P, huyện Th (trong đó 47m<sup>2</sup> thuộc thửa 281; 12,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 282; 145,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 283); Theo tài liệu 2005 thuộc một phần thửa 17 và một phần đường (tờ 88), phường Tr, theo sổ đã ngoại do bà X đăng ký với diện tích 451m<sup>2</sup>.

Năm 2006, bà X lập thủ tục hợp thức hóa nhà, đất (bao gồm phần đất tranh chấp), ông Tr không đồng ý vì cho rằng bà X lấn chiếm phần đất thổ mộ gia tộc họ Nguyễn nên phát sinh tranh chấp.

Ngày 12/8/2010, Chủ tịch UBND quận Th ban hành Quyết định số 4106/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất gia tộc họ Nguyễn giữa ông Tr và bà X với nội dung:

- Không công nhận nội dung tranh chấp đất gia tộc họ Nguyễn (do ông Tr làm đại diện).

- Giữ nguyên hiện trạng và giao UBND phường Tr quản lý phần đất diện tích 204,3m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 924, tờ 1, xã P, quận Th, (theo tài liệu 299/TTG).

Không đồng ý với quyết định của Chủ tịch UBND quận Th, ông Tr và bà X tiếp tục khiếu nại đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/5/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức cuộc họp với thành phần tham dự gồm: Thanh tra Thành phố, Văn phòng tiếp công dân thành phố, UBND quận Th và UBND phường Tr. Cuộc họp thống nhất nội dung: Kiến nghị Chủ tịch UBND Thành phố điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 4106/QĐ-UBND theo hướng giao gia tộc ông Nguyễn Văn C; không được chôn cất mới và chấp hành các quy định của pháp luật về quy hoạch.

Ngày 26/9/2011, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4553/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Tr và bà X, với nội dung:

Không công nhận Quyết định số 4106/QĐ-UBND; giữ nguyên hiện trạng phần đất 204,3m<sup>2</sup> (có vị trí số 3 theo bản đồ hiện trạng vị trí số 16685/ĐDBĐ-CNTĐ ngày 13/10/2008 do Trung tâm đo đạc bản đồ lập) thuộc khu đất nghĩa địa gia tộc ông Nguyễn Văn C; giao gia tộc ông C quản lý, không được chôn cất mới. Khi nhà nước thực hiện quy hoạch giải tỏa, gia tộc ông C được bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật.

Ý kiến của UBND Thành phố Hồ Chí Minh là phần đất tranh chấp 204,3m<sup>2</sup> có vị trí số 3 theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 16685/ĐDBĐ-CNTĐ có nguồn gốc do ông C đứng bộ trước năm 1975 thuộc một phần thửa 94, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện Th với tổng diện tích 3.200m<sup>2</sup>. Theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà X thì phần đất tranh chấp do ông C cho vợ chồng bà X sử dụng, tuy nhiên gia đình bà X không có giấy tờ pháp lý chứng minh, đồng thời không có quá trình sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Qua làm việc bà G (đại diện bà X) cũng không cung cấp được thêm tình tiết mới. Hiện trạng phần đất tranh chấp là đất trồng tiếp giáp với khu mồ mả của gia tộc họ Nguyễn với hơn 30 ngôi mộ.

Như vậy, việc bà X yêu cầu hủy Quyết định số 4553/QĐ-UBND là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 4553/QĐ-UBND.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Tr do ông Nguyễn Tấn H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ông Tr không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND quận Th do ông Trần Văn D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Phần đất tranh chấp diện tích 204,3m<sup>2</sup> (có vị trí số 3 theo bản đồ hiện trạng vị trí số 16685/ĐDBĐ-CNTĐ ngày 13/10/2008 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Chi nhánh Th lập) thuộc một phần thửa 94 tờ 3, bộ địa chính xã P, huyện Th (theo tài liệu cũ); thuộc một phần thửa 924 tờ 1 bộ địa chính xã P, huyện Th (theo tài liệu 299/TTg); thuộc một phần thửa 281, 282, 283 tờ 3, bộ địa chính xã P, huyện Th (theo tài liệu 02/CT-UB); thuộc một phần thửa 17 và một phần đường tờ 88, bộ địa chính phường Tr, quận Th (theo tài liệu 2005); có nguồn do ông Nguyễn Văn C (là ông cố của ông Tr) đứng bộ trước giải phóng với diện tích 3.200m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 94 tờ bản đồ thứ 3, tọa lạc tại xã P, huyện Th theo Trích sao địa bộ số 027/TS-TTĐK-KT ngày 07/01/2009 của Trung tâm thông tin và đăng ký nhà đất Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau năm 1975, ông Nguyễn Văn T (là cháu gọi ông C bằng bác) tiếp tục quản lý khu đất trên để làm nghĩa trang dùng chôn cất những người thân trong gia tộc.

Cùng năm 1975, gia đình ông Nguyễn Văn Th (là người trong gia tộc họ Nguyễn) và vợ là bà Bùi Thị X di dời nhà từ chùa L về cất nhà ở trên phần đất thổ mộ gia tộc (vị trí sát ranh với phần đất thổ mộ đang tranh chấp). Đến năm 1976, ông Th chết. Sau đó, bà X cùng các con tiếp tục sử dụng nhà đất nêu trên.

Năm 1990, ông T chết, ông Tr (là con ông T) tiếp tục quản lý và trông coi phần đất thổ mộ của gia tộc cho đến nay.

Năm 1996, bà X và ông Nguyễn Văn H (con bà X) xây nhà trên phần đất của gia tộc. Sau đó, gia tộc đã họp và thống nhất cho gia đình bà X và ông H được sử dụng 200m<sup>2</sup> trên phần đất thổ mộ gia tộc (kèm theo bản vẽ). Gia đình bà X và ông H cam kết: “*không xây dựng lấn chiếm ra ngoài phạm vi đã được gia tộc cho, giữ gìn vệ sinh mồ mả ông bà, không sang nhượng cho mướn,...*”.

Đến năm 2007, gia tộc phát hiện gia đình bà X dùng lưới B40 rào quanh phần đất hiện đang tranh chấp nên phát sinh tranh chấp giữa gia tộc họ Nguyễn (do ông Tr làm đại diện) với bà X. UBND phường Tr đã tổ chức hòa giải giữa các bên nhưng không thành. Sau đó, ông Tr tiếp tục gửi đơn đến UBND quận Th để được xem xét giải quyết.

Theo tài liệu 299/TTg: phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 924 tờ 1 bộ địa chính xã P, huyện Th là loại đất thổ tập trung không ai đăng ký, diện tích 14.928m<sup>2</sup>.

Theo tài liệu 02/CT-UB: phần đất tranh chấp thuộc phần lớn thửa 283; một phần thửa 281-1 (thửa 281-1 sau này đã làm lộ giới đường số 3) và một phần thửa 282 tờ 3 bộ địa chính xã P, huyện Th, trong đó:

- + Thửa 283 với diện tích 1.781m<sup>2</sup> là đất nghĩa địa họ Nguyễn, không ai đăng ký;
- + Thửa 281 với diện tích 272m<sup>2</sup> loại đất thổ do bà X đăng ký;
- + Thửa 282 với diện tích 706m<sup>2</sup> là loại đất thổ do ông Nguyễn Văn H đăng ký.

Theo hồ sơ lưu nộp thuế tại UBND phường Tr: bà X nộp thuế từ năm 1993, diện tích nộp thuế 200m<sup>2</sup> tại vị trí nhà đất số 47 (số cũ 5/1) Đường số 3, Khu phố 6, phường Tr do bà X đang sử dụng.

Theo hồ sơ xác minh: Bà X không đăng ký, không nộp thuế và không có quá trình sử dụng đối với phần đất đang tranh chấp.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 16685/ĐĐBĐ-CNTĐ ngày 13/10/2008 do Trung tâm đo đạc bản đồ lập: phần đất tranh chấp có diện tích 204,3m<sup>2</sup> (có vị trí số 3 trên bản đồ).

Hiện trạng: phần đất tranh chấp thuộc thửa 283 (thửa 283 là đất nghĩa địa) nằm trong khuôn viên đất thổ mộ gia tộc họ Nguyễn. Bên trái phần đất đang tranh chấp là nhà đất bà X (Số 47 đường số 3, phường Tr, quận Th) và có hàng rào cây ngăn cách; phía trước là đường số 3; bên phải là nhà đất số 47B đường số 3, Khu phố 6, phường Tr, quận Th. Từ thực tế nêu trên, UBND quận Th nhận thấy phần đất tranh chấp có diện tích 204,3m<sup>2</sup> có nguồn gốc do ông C đứng bộ trước năm 1975. Sau năm 1975, phần đất trên dùng làm nghĩa địa chôn cất những người thân trong gia tộc. Mặt khác, ông Tr cũng như bà X không ai có quá trình sử dụng cũng như thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đất đai để được

xem xét công nhận.

Ngày 12/8/2010, UBND quận Th ban hành Quyết định số 4106/QĐ-UBND với nội dung:

- Không công nhận nội dung đơn tranh chấp đất gia tộc họ Nguyễn (do ông Nguyễn Văn Tr đại diện) địa chỉ: 36/2 Đường số 4, khu phố 5, phường Tr, quận Th.

- Giữ nguyên hiện trạng và giao UBND phường Tr quản lý phần đất có diện tích 204,3m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 924 tờ 1 bộ địa chính xã P, huyện Th (theo tài liệu 299/TTg).

Không đồng ý với Quyết định số 4106/QĐ-UBND, ông Tr và bà X cùng khiếu nại.

Ngày 26/9/2011, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4553/QĐ-UBND với nội dung:

Không công nhận Quyết định số 4106/QĐ-UBND ngày 12/8/2010 của UBND quận Th; giữ nguyên hiện trạng phần đất 204,3m<sup>2</sup> (có vị trí số 3 theo bản đồ hiện trạng vị trí số 16685/ĐDBĐ-CNTĐ ngày 13/10/2008 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Chi nhánh Th lập) thuộc khu đất nghĩa địa gia tộc ông Nguyễn Văn C; giao gia tộc ông C quản lý, không được chôn cất mới. Khi Nhà nước thực hiện quy hoạch giải tỏa, gia tộc ông C được bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

UBND quận Th đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 4553/QĐ-UBND.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1139/2020/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Áp dụng: Điều 123, Điều 143, Điều 173, Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Luật đất đai năm 2003; Luật khiếu nại tố cáo năm 1998 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004, 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

- 1/. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Bùi Thị X về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 4553/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Văn Tr và bà Bùi Thị X.

- 2/. Đình chỉ giải quyết yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp và đề nghị UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07/8/2020, người khởi kiện bà Bùi Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ

bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị X trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Tr đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà X; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị X làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần diện tích đất tranh chấp 204,3m<sup>2</sup> nằm trong phần đất 3.200m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 94, tờ bản đồ thứ 3, bộ địa chính xã P, huyện Th theo trích sao địa bộ số 027/Ts-TTĐK-KT; theo tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa 924, tờ 1, bộ địa chính xã P, huyện Th; theo tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa 281, 282, 283, tờ 3, bộ địa chính xã P, huyện Th; theo tài liệu năm 2005 thuộc một phần thửa 17 và một phần đường tờ 88, bộ địa chính phường Tr, quận Th; có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn C (ông cố của ông Nguyễn Văn Tr) đứng bộ từ trước giải phóng. Hiện trạng đất tranh chấp hiện này là đất trống, tiếp giáp với khu mộ của gia tộc họ Nguyễn với hơn 30 ngôi mộ, dùng để làm nghĩa địa chôn cất những người thân trong thân tộc.

Quá trình khiếu nại yêu cầu giải quyết tranh chấp tại UBND quận Th, bà Bùi Thị X xác định diện tích đất tranh chấp trước đây ông C cho gia đình bà X sử dụng; quá trình xét xử tại Tòa án cấp sơ thẩm bà X xác định đất do bà khai hoang, sử dụng ổn định từ năm 1975 đến nay nhưng đều không cung cấp được tài

liệu, chứng cứ chứng minh việc được tặng cho cũng như việc tự khai hoang như bà X trình bày. Bà X cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có quá trình sử dụng đất, canh tác đối với diện tích đất tranh chấp; thực tế hiện nay diện tích đất trên là đất trống. Mặt khác, năm 1996 khi bà X và ông H (con bà X) xây nhà trên đất của thân tộc thì những người trong thân tộc ông Nguyễn Văn C đã họp gia tộc và thống nhất cho bà X, ông H được sử dụng diện tích đất 200m<sup>2</sup> trong phần đất gia tộc (tương ứng với phần diện tích nhà đất hiện nay bà X đang sử dụng, thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính). Ông H đại diện cho gia đình ký cam kết ngày 18/10/1996 có nội dung không xây cất lấn qua phần đất của gia tộc ngoài diện tích đất gia tộc đã cho sử dụng. Ông H thừa nhận có ký vào giấy cam kết ngày 18/10/1996 nhưng ký do bị ép buộc song không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Do đó, Quyết định số 4553/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết tranh chấp, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất, giao cho gia tộc ông Nguyễn Văn C quản lý, không được xây cất mới là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bà Bùi Thị X khởi kiện yêu cầu hủy quyết định trên là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp là của bà X và đề nghị UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị X; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bà Bùi Thị X là người cao tuổi, được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị X. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1139/2020/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật đất đai năm 2003; Luật khiếu nại tố cáo năm 1998 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004, 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:



Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Bùi Thị X về việc yêu cầu huỷ bỏ Quyết định số 4553/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Văn Tr và bà Bùi Thị X.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp và đề nghị UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khởi kiện.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Bùi Thị X.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (4);
- Lưu VP (3), HS (2).14b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng**